

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN CỦA GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Nguyễn Văn Hiệp – Phạm Văn Thịnh

Trường Đại học Thủ Dầu Một

TÓM TẮT

Qua việc thu thập, hệ thống tài liệu xuất phát từ nhiều nguồn khác nhau, trong nghiên cứu này chúng tôi sẽ cung cấp những thông tin cần thiết về cơ sở hình thành, quá trình triển khai, củng cố tổ chức, hoàn thiện chương trình và nội dung đào tạo, mở rộng qui mô, chú trọng chất lượng đào tạo sau đại học ở trong nước từ năm 1945 đến nay. Trên cơ sở hệ thống các bước phát triển, bước đầu chúng tôi nêu lên những thành tựu, hạn chế, một số bài học kinh nghiệm để kế thừa trong việc phát triển giáo dục – đào tạo hiện nay. Nghiên cứu này cũng góp phần bổ khuyết những mảng trống trong bức tranh toàn cảnh về sự nghiệp giáo dục - đào tạo ở Việt Nam, góp thêm luận cứ khoa học và thực tiễn để nhận thức đầy đủ hơn về hiện trạng giáo dục - đào tạo và hiện trạng đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật nước ta trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Từ khóa: đào tạo, sau đại học, nghiên cứu sinh

*

KÌ I: CƠ SỞ HÌNH THÀNH BẬC ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM (1945 – 1975)

1. Đào tạo sau đại học trong hệ thống giáo dục của các nước trên thế giới và ở Việt Nam

Đào tạo sau đại học là bậc học cao nhất trong hệ thống giáo dục của nhiều nước trên thế giới. Trong tiếng Anh, thuật ngữ *post-secondary education* dùng để chỉ tất cả các loại hình giáo dục cao đẳng, đại học và sau đại học. Loại hình đào tạo này gồm ba bậc: cử nhân (hay tương đương) - Bachelor of Arts [BA]; cao học (hay thạc sĩ) - Master of Science [MS hay MSc] và tiến sĩ - Doctor Degree [Dr]. *First degree* dùng để chỉ bậc đào tạo cử nhân, *second degree* dùng để chỉ bậc đào tạo cao học và *third degree* chỉ bậc đào tạo tiến sĩ. Thuật ngữ *graduate* hay *post-graduate education* được dùng để chỉ

bậc đào tạo sau đại học. Thuật ngữ *higher degree* chỉ hai bậc cao học và tiến sĩ.

Ở các nước phát triển, đào tạo sau đại học có lịch sử hàng trăm năm. Ở Mỹ, văn bằng tiến sĩ được cấp lần đầu tiên vào năm 1861. Ngày nay, ở Mỹ các đại học của các tiểu bang đào tạo bậc cử nhân (Bachelor of Arts - BA) và cao học (Master of Arts - MA hay Master of Science - MS), các đại học nghiên cứu đảm nhận chương trình đại học, cao học và tiến sĩ, khi tốt nghiệp được cấp bằng BA hay BS, MA hay MS và tiến sĩ (doctorate). Chương trình đào tạo sau đại học của Mỹ được xây dựng theo hệ thống tín chỉ. Thông thường, số lượng tín chỉ cần thiết để hoàn thành chương trình cao học là từ 28 đến 36 tín chỉ, chương trình tiến sĩ

từ 66 đến 74 tín chỉ. Thời gian trung bình để hoàn thành chương trình cao học ở Mỹ từ 1 đến 1,5 năm và không quá 5 – 6 năm; thời gian hoàn thành chương trình tiến sĩ từ 3,5 đến 4,5 năm nhưng không quá 8 – 9 năm.

Ở vương quốc Anh, bậc sau đại học đào tạo và cấp chứng chỉ Diploma, văn bằng Master và văn bằng tiến sĩ. Chứng chỉ Diploma là chứng chỉ của khóa học bồi dưỡng về chuyên môn nghề nghiệp (như giảng dạy). Đào tạo văn bằng Master có hai hình thức: hình thức lên lớp (taught courses) và hình thức nghiên cứu (MPhil). Hình thức lên lớp được dạy theo các module thường kéo dài trong 12 tháng, kết thúc bằng một luận văn. Hình thức nghiên cứu thường dài hơn, chủ yếu là tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giáo sư. Đào tạo tiến sĩ cũng có hai loại: loại nhận văn bằng PhD và loại nhận văn bằng tiến sĩ bậc cao, thường gọi là Doctor of Science (DSc) và Doctor of Litterature (D.Litt). Loại tiến sĩ bậc cao có lịch sử ra đời sau loại tiến sĩ PhD, được dành cho các PhD có các công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc. Ngày nay, hệ thống hai loại tiến sĩ của Anh quốc không phổ biến trên thế giới.

Ở Pháp, đào tạo sau đại học cũng có hai bậc là đào tạo "đệ tam cấp" (diploma - DEA) và đào tạo tiến sĩ (docteur). Học vị "đệ tam cấp" thời gian đào tạo là một năm. Học vị tiến sĩ ở Pháp được cấp sau khi người học bảo vệ một luận án hoặc trình bày một tập hợp công trình khoa học độc đáo.

Ở Liên Xô trước đây, đào tạo sau đại học bao gồm hai học vị là phó tiến sĩ và tiến sĩ theo chế độ nghiên cứu sinh. Văn bằng phó tiến sĩ được cấp cho những thí sinh bảo vệ thành công một luận án khoa

học. Văn bằng tiến sĩ khoa học được cấp cho những thí sinh bảo vệ thành công một luận án khoa học và có đóng góp những kết quả nghiên cứu khoa học độc đáo.

Ở châu Á, Nhật Bản là nước có lịch sử đào tạo sau đại học khá sớm. Năm 1887, Nhật Bản đã đặt ra học vị tiến sĩ trong các lĩnh vực luật học, y học, kỹ thuật, văn học và khoa học tự nhiên. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, Nhật Bản đào tạo hai học vị là phó tiến sĩ và tiến sĩ. Học vị phó tiến sĩ đào tạo trong hai năm. Sau khi có học vị phó tiến sĩ phải học ba năm nữa mới có thể dành được học vị tiến sĩ.

Thái Lan và Philippin đều áp dụng mô hình đào tạo sau đại học của Mỹ với hai cấp đào tạo là cao học và tiến sĩ. Nội dung đào tạo được xây dựng theo hệ thống tín chỉ. Bậc cao học khoảng 30-36 tín chỉ, tiến sĩ khoảng 70 tín chỉ (nếu không qua cao học). Chương trình cao học thường kéo dài 1-2 năm, bậc tiến sĩ kéo dài từ 3 đến 4 năm. Đối với các học viên học bán thời gian, chương trình cao học có thể kéo dài từ 3 đến 4 năm, chương trình tiến sĩ kéo dài từ 6 đến 7 năm. Tuy khác nhau về thời gian tốt nghiệp nhưng học viên vẫn học cùng chương trình đào tạo và nhận bằng có giá trị như nhau.

Hiện nay, hai mô hình đào tạo sau đại học được áp dụng phổ biến trên thế giới là mô hình của các nước châu Âu và mô hình của Mỹ. Đối với bậc đào tạo cao học, cả hai mô hình của châu Âu và Mỹ đều giống nhau ở phần hoàn tất phần kiến thức trên lớp và phần tốt nghiệp là một bài thi hoặc đề tài nghiên cứu. Ở bậc đào tạo tiến sĩ, mô hình của châu Âu xem đào tạo tiến sĩ là quá trình tập sự nghiên cứu. Chương trình học không có phần lên lớp mà chủ yếu là tham

dự một số buổi báo cáo chuyên đề, đọc sách và viết bài dưới sự kiểm tra định kỳ của giáo sư hướng dẫn. Trong mô hình đào tạo tiến sĩ của Mỹ chương trình học trên lớp là bắt buộc và chiếm phần lớn thời gian đào tạo. Đề tài tốt nghiệp thường là một công trình nghiên cứu nhưng giá trị của nó chỉ tương đương với một môn học.

Ở Việt Nam, trước Cách mạng tháng Tám 1945, thực dân Pháp chỉ mở trường đào tạo viên chức hành chính và một số lĩnh vực như y học, luật học ở trình cao đẳng và đại học với số lượng hết sức ít ỏi. Đào tạo sau đại học chưa bao giờ được đề cập đến.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, công cuộc phát triển đất nước luôn cần có nguồn nhân lực có trình độ cao, vì vậy yêu cầu đào tạo sau đại học đã được đặt ra từ rất sớm. Ở miền Nam, trong những năm 1960 – 1975, các trường đại học đã đào tạo văn bằng cao học các ngành hành chính, canh nông, sư phạm và văn bằng tiến sĩ một số ngành khoa học cơ bản như Toán học, Vật lí, Hóa học, Văn học... Ở miền Bắc, do nền đại học còn non trẻ vừa mới được xây dựng nên chưa hội đủ điều kiện để mở bậc đào tạo sau đại học. Thời kỳ 1954 – 1975, đào tạo sau đại học được gửi ra nước ngoài, chủ yếu là Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, một số ở Trung Quốc với hai trình độ là phó tiến sĩ và tiến sĩ khoa học.

Từ năm 1976, cả nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội, đào tạo sau đại học trong nước chính thức được mở ra nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ cao cho các ngành kinh tế – xã hội. Trong giai đoạn 1976 - 1991, Việt Nam đào tạo sau đại học theo mô hình

của Liên Xô và các nước Đông Âu với hai loại văn bằng là phó tiến sĩ và tiến sĩ khoa học theo chế độ nghiên cứu sinh. Văn bằng phó tiến sĩ được cấp cho những nghiên cứu sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh, hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành và bảo vệ thành công luận án trước hội đồng chấm luận án cấp nhà nước. Văn bằng tiến sĩ khoa học được cấp cho những nghiên cứu sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh, hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành và bảo vệ thành công luận án trước hội đồng chấm luận án cấp nhà nước đồng thời có đóng góp kết quả nghiên cứu khoa học độc đáo. Từ năm 1991 đến nay (2012), trong quá trình đổi mới mở cửa hội nhập với thế giới, Việt Nam đào tạo sau đại học với hai loại văn bằng thạc sĩ và tiến sĩ. Luật Giáo dục Đại học được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012 (có hiệu lực từ 1-1-2013), ghi rõ mục tiêu của đào tạo sau đại học như sau:

- Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức khoa học nền tảng, có kĩ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

- Đào tạo trình độ tiến sĩ để nghiên cứu sinh có trình độ cao về lí thuyết và ứng dụng, có năng lực nghiên cứu độc lập, phát triển tri thức mới, phát hiện nguyên lí, qui luật tự nhiên - xã hội và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn [7].

2. Những tiền đề cho sự hình thành bậc đào tạo sau đại học ở Việt Nam

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, mặc dù hoàn cảnh hết sức khó khăn nhưng Đảng và Nhà nước đã có nhiều cố gắng để xây dựng ngành đại học và giáo dục chuyên nghiệp nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn phục vụ cho nhu cầu của cuộc kháng chiến, kiến quốc. Tháng 10 năm 1947, Trường Đại học Y Dược được thành lập ở chiến khu Việt Bắc. Tiếp đó, sau chiến thắng Việt Bắc (thu đông 1947), nhu cầu của cuộc kháng chiến về cán bộ chuyên môn trên một số lĩnh vực kỹ thuật - kinh tế - văn hóa đòi hỏi phải xúc tiến việc đào tạo vì thế Đảng và Nhà nước đã thành lập bốn trường đại học, cao đẳng: Trường Cao đẳng Giao thông Công Chánh (1948), Trường Sư phạm Cao cấp về khoa học tự nhiên (1951), Trường Khoa học cơ bản (1951), Trường Sư phạm Cao cấp về khoa học xã hội (1953). Qui mô đào tạo tất cả các trường khoảng 500 sinh viên. Đồng thời với việc đẩy mạnh đào tạo ở trong nước, từ năm 1951, nước ta đã tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên Xô và Trung Quốc để gửi lưu học sinh ra nước ngoài đào tạo. Từ năm 1951 đến năm 1954, trên 700 lưu học sinh được gửi ra nước ngoài đào tạo trình độ cao đẳng và đại học. Đến cuối năm 1954, ta đã đào tạo được 475 người có trình độ đại học và hơn 3.000 người có trình độ trung học chuyên nghiệp. Cùng với việc gửi lưu học sinh đi học ở các nước xã hội chủ nghĩa, ta đã gửi một số cán bộ đã tốt nghiệp đại học đi làm thực tập sinh và nghiên cứu sinh. Về thực tập sinh, bắt đầu gửi đi Liên Xô từ năm 1951, sau gửi đi một số nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Trung Quốc. Có thể nói, trong giai đoạn

này, sự nghiệp đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật cho công cuộc kháng chiến kiến quốc đã đặt được nền móng ban đầu cho việc đào tạo cán bộ có trình độ cao ở nước ta. [3: 25].

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc bước vào thời kỳ đi lên chủ nghĩa xã hội, nhu cầu về đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật cho công cuộc xây dựng kinh tế - xã hội ngày càng trở nên cấp thiết. Để đáp ứng đòi hỏi của cách mạng trong giai đoạn mới, năm 1956 Bộ Giáo dục đã tiến hành nghiên cứu kế hoạch phát triển giáo dục đại học. Liên sau đó, một kế hoạch phát triển mạnh mẽ hệ thống giáo dục đại học mới xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên miền Bắc. Trong vòng bốn năm khôi phục và cải tạo kinh tế (1956 - 1960), miền Bắc đã xây dựng được 10 trường đại học và đào tạo được 4.000 cán bộ có trình độ đại học, với đội ngũ giáo viên đại học trên 1000 người. Sự lớn mạnh của ngành đại học cùng với việc thành lập các cơ quan nghiên cứu khoa học của nhà nước đặt ra yêu cầu cần nhanh chóng xây dựng bậc đào tạo trên đại học. Trước tình hình đó, Bộ Giáo dục tích cực gửi sinh viên đi đào tạo ở các nước xã hội chủ nghĩa như Liên Xô, Bungari, Hungari... Những năm 1957 - 1960, mỗi năm, Bộ Giáo dục có kế hoạch gửi từ 50 đến 100 sinh viên ra đào tạo ở nước ngoài cả trình độ đại học và trên đại học nhằm xây dựng đội ngũ có trình độ trên đại học vừa tạo nguồn cán bộ giảng dạy đại học vừa tích cực xây dựng đội ngũ cho việc mở chế độ nghiên cứu sinh ở trong nước [3: 29].

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (1960), miền Bắc bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, ngành đại học tiếp tục phát triển mạnh. Nhiều trường đại

học mới được xây dựng, số sinh viên và giáo viên ngày càng tăng cao. Năm 1964 - 1965, miền Bắc đã có 17 trường đại học với gần 3.000 cán bộ giảng dạy và gần 30.000 sinh viên. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III về việc xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và giảng dạy có trình độ cao, giữ vai trò nòng cốt trong các môn khoa học, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp chú trọng việc gửi cán bộ khoa học kỹ thuật đi đào tạo và bồi dưỡng sau đại học theo chế độ nghiên cứu sinh và thực tập sinh khoa học ở các nước xã hội chủ nghĩa, đông nhất là Liên Xô. Từ năm 1961 trở đi, mỗi năm có hàng trăm cán bộ giảng dạy đại học được gửi đi đào tạo và bồi dưỡng theo chế độ nghiên cứu sinh và thực tập sinh. Đến năm 1964, đợt đầu tiên đã có gần 200 cán bộ giảng dạy bảo vệ luận án phó tiến sĩ hoặc hoàn thành kế hoạch thực tập trở về trường nhận nhiệm vụ ở các trường đại học, trở thành những cán bộ nòng cốt ở bộ môn sau này.

Cùng với việc đẩy mạnh gửi cán bộ khoa học ra đào tạo ở nước ngoài, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp đã chỉ đạo cho các trường đại học trong nước xây dựng các lớp bồi dưỡng sau đại học trước hết là bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ giảng dạy của nhà trường như ở các trường: Đại học Tổng hợp, Đại học Sư phạm, Đại học Bách khoa, Đại học Y Dược, Đại học Nông nghiệp...

Từ năm 1965 trở đi, mặc dù đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, Đảng, Nhà nước vẫn tranh thủ mọi điều kiện để tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học cho đào tạo đại học và sau đại học. Một mặt, hàng năm Bộ Đại học và

Trung học chuyên nghiệp tiếp tục gửi liên tục với số lượng lớn nghiên cứu sinh và thực tập sinh sang Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. Từ năm 1965 đến 1975, mỗi năm khoảng 300 cán bộ được gửi đi đào tạo nghiên cứu sinh. Năm học 1966 - 1967, qui mô đào tạo ở nước ngoài đã lên tới 5.123 người, trong đó có 563 nghiên cứu sinh, 208 thực tập sinh và 4.352 sinh viên đại học. Năm học 1970 - 1971 số người đào tạo ở nước ngoài là 13.448 người, trong đó có 1.368 nghiên cứu sinh, 164 thực tập sinh... Cũng từ năm 1965 trở đi, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp đã bắt đầu gửi thực tập sinh cao cấp (sau phó tiến sĩ), trong số đó, một số đủ điều kiện đã được bảo vệ luận án tiến sĩ [3: 33].

Để nâng cao trình độ trong đội ngũ cán bộ cử đi học ở nước ngoài, từ năm 1972, việc tuyển nghiên cứu sinh được chuyển từ phương thức chọn cử tuyển bằng việc tuyển chọn qua các kỳ thi kiểm tra kiến thức. Một số trường đại học lớn được giao nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi tuyển chọn nghiên cứu sinh. Trường Đại học Bách khoa được tổ chức tuyển chọn cán bộ khối ngành kỹ thuật. Trường Đại học Tổng hợp được tổ chức thi tuyển cho khối ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội... Cũng từ năm 1972, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp đã thực hiện chủ trương chuyển tiếp sinh. Mỗi năm có từ 15 - 20% chỉ tiêu gửi nghiên cứu sinh được dành để chọn những lưu học sinh tốt nghiệp xuất sắc học tiếp lên chế độ nghiên cứu sinh.

Cùng với việc gửi số lượng lớn cán bộ giảng dạy đại học đi đào tạo và bồi dưỡng sau đại học ở các nước xã hội chủ nghĩa, Bộ

Đại học và Trung học chuyên nghiệp đã tổ chức các lớp học bồi dưỡng về chính trị, về khoa học cơ bản, về ngoại ngữ cho cán bộ giảng dạy ở các trường đại học. Nhờ những cố gắng trên đây, đội ngũ cán bộ giảng dạy ở các trường đại học đã tăng lên đáng kể.

Với việc chú trọng đào tạo cả trong và ngoài nước, đến năm 1975, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của nước ta đã lớn mạnh. Năm 1975, cả nước đã có gần 300 nghìn người được đào tạo ở bậc đại học và sau đại học, trong đó 1.358 người có trình độ trên đại học đã trở về nước làm việc. Đây cũng chính là những tiền đề quan trọng để Đảng, Nhà nước ta xây dựng chủ trương, chính sách cho việc mở bậc đào tạo sau đại học ở trong nước.

3. Những thử nghiệm thành công đào tạo sau đại học trong nước

Trong quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao cho đất nước, việc đào tạo sau đại học ở nước ta được đặt ra từ rất sớm. Năm 1957, khi Ủy ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước được thành lập, các chuyên gia Liên Xô đã đề nghị giúp đỡ nếu Việt Nam có kế hoạch đào tạo nghiên cứu sinh trong nước. Tuy nhiên, lúc này ngành đại học của nước ta vừa được xây dựng còn chưa hoàn chỉnh, đội ngũ cán bộ khoa học còn mỏng, công tác nghiên cứu khoa học ở nhiều ngành còn hạn chế vì thiếu trang thiết bị và thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn cao. Cho nên, mặc dù chúng ta có nhu cầu về đào tạo cán bộ có trình độ cao nhưng chưa có khả năng khắc phục những khó khăn và trở ngại để thực hiện nhiệm vụ đó.

Từ năm 1965, trong chỉ thị về việc chuyển hướng công tác giáo dục trong tình

hình mới, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép các trường đại học được thí điểm đào tạo nghiên cứu sinh trong nước. Tiếp đó, năm 1966, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 142 về việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế, nêu rõ: *"Về cán bộ có trình độ đại học và cao hơn đại học, phải tích cực đào tạo trong nước, vừa đẩy mạnh đào tạo ở nước ngoài"* [2: 21]. Thực hiện chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, công tác đào tạo cán bộ sau đại học được tiến hành thí điểm tại một số trường đại học.

Trường Đại học Sư phạm, Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Tổng hợp là những cơ sở đào tạo được Chính phủ cho phép thí điểm đào tạo hệ nghiên cứu sinh trong nước. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã mạnh dạn chọn lĩnh vực sinh – kỹ thuật nông nghiệp để thử nghiệm. Đây là lĩnh vực thuận lợi vì nước ta là nước nông nghiệp, lúc đó các trường đại học lại đang sơ tán về nông thôn nên có điều kiện để trải nghiệm thực tế, kết quả nghiên cứu cũng sẽ được nhiều người quan tâm. Khoa Sinh – Kỹ thuật nông nghiệp của trường, trong quá trình tự bồi dưỡng, tự nghiên cứu cũng đã xuất hiện nhiều đề tài về lĩnh vực này. Số phó tiến sĩ và tiến sĩ về lĩnh vực này trong nước cũng đủ về số lượng và chất lượng để lập hội đồng đánh giá, tham gia hướng dẫn và phản biện luận án. Để chuẩn bị chu đáo, Hiệu trưởng chủ trương ngoài ý kiến phản biện phải gửi đi lấy ý kiến của nhiều cơ quan khoa học và sản xuất, cả trong và ngoài nước. Ngày 23/4/1970, 3 luận án phó tiến sĩ về sinh học làm trong nước đã được bảo vệ lần đầu tiên tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Trong ngày bảo vệ, lãnh đạo Bộ Giáo dục, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp đã về dự, đánh dấu kết quả

đầu tiên của việc thử nghiệm đào tạo sau đại học ở trong nước.

Sự kiện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 đào tạo thành công những phó tiến sĩ đầu tiên ở trong nước đã gây tiếng vang lớn trong các trường đại học và cán bộ khoa học kỹ thuật. Tiếp đó, năm 1971, luận án phó tiến sĩ đầu tiên của Trường Đại học Tổng hợp cũng được Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp cho phép bảo vệ và đến năm 1974, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội cũng tổ chức buổi bảo vệ luận án phó tiến sĩ đầu tiên... Như vậy là, đến năm 1975, đã có 3 trường đại học thực hiện thí điểm đào tạo nghiên cứu sinh trong nước. Tính chung từ năm 1970 đến năm 1975, cả 3 trường đã có 14 luận án phó tiến sĩ được bảo vệ thành công [3].

Qua một số nét cơ bản của quá trình hình thành bậc đào tạo sau đại học ở Việt Nam, có thể khẳng định rằng thực tiễn công cuộc xây dựng đất nước nói chung và phát

triển sự nghiệp giáo dục đào tạo nói riêng từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đã đặt ra yêu cầu cần thiết phải xây dựng bậc đào tạo sau đại học. Nắm bắt được nhu cầu ấy, Đảng, Nhà nước và ngành giáo dục đã sớm hình thành chủ trương, chính sách nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật cả trong và ngoài nước, chuẩn bị những cơ sở cần thiết cho việc xây dựng bậc đào tạo sau đại học ở trong nước. Những cố gắng trong việc xây dựng các cơ sở đào tạo và đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật có trình độ sau đại học trong 30 năm (1945 – 1975) cùng với việc thí điểm đào tạo sau đại học trong nước những năm 1965 – 1975 đã góp phần tích cực vào việc nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật trong nước đồng thời tạo được những tiền đề về cơ sở đào tạo và đội ngũ cán bộ khoa học cho việc chính thức mở bậc đào tạo sau đại học của Việt Nam. (Xem tiếp kì sau: Mười năm triển khai, củng cố tổ chức và hoàn thiện chương trình đào tạo sau đại học trong nước (1976 – 1985)).

*

THE DEVELOPMENT STAGES OF VIETNAMESE EDUCATION IN THE FIELD OF POST-GRADUATE TRAINING

Nguyen Van Hiep – Pham Van Thinh

Thu Dau Mot University

ABSTRACT

By collecting and systemizing materials from different resources, in this article, we will provide necessary information on the establishment, implementation process, the organizational consolidation, the program and training content completion and scale enlargement, focusing on the post-graduate training quality in the country from 1945 until now. In the foundation of the development stages, we initially state the achievements, limitations and some experience for inheritance in the current education and training development. This research also partly fills the spaces in the panorama of the education and training of Vietnam, contributing to the scientific foundation and reality for better awareness of the status of education and training and of the scientific-technical workforce in the process of enhancing the country's industrialization and modernization.

STAGE 1

THE ESTABLISHMENT FOUNDATION OF POST-GRADUATE TRAINING IN VIETNAM (1945 - 1975)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (1995), *Từ Bộ Quốc gia Giáo dục đến Bộ Giáo dục và Đào tạo (1945 – 1995)*, NXB Giáo dục.
- [2] Bộ Giáo dục (1968), *Nghị quyết 142 và một số quan điểm lớn về giáo dục*, NXB Giáo dục.
- [3] Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp (1975), *30 năm nền giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp (1945 - 1975)*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
- [4] Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp (1982), "Công tác đào tạo sau đại học ở trong nước từ năm 1976 đến năm 1982", Tạp chí *Đại học và Trung học chuyên nghiệp*, số 9.
- [5] Lê Văn Giang (1980), "Ba mươi lăm năm xây dựng nền đại học Việt Nam", Tạp chí *Nghiên cứu giáo dục*, số 9-10.
- [6] Lương Lãng (1977), "Tiến tới tự chủ trong việc đào tạo phó tiến sĩ", Tạp chí *Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp*, số 3.
- [7] *Luật Giáo dục Đại học* (2012), NXB Chính trị Quốc gia.
- [8] Nguyễn Hữu Chân (1983) "Bàn về đào tạo trên đại học", Tạp chí *Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp*, số 12.
- [9] Đỗ Mười (1989), "Bài phát biểu tại hội nghị tổng kết 12 năm đào tạo và bồi dưỡng sau đại học (1976 – 1988)", Tạp chí *Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp*, số 9.
- [10] Vũ Đình Bách (1983), "Vài ý kiến về công tác bồi dưỡng sau đại học", Tạp chí *Đại học và Trung học chuyên nghiệp*, số 12.